

CÔNG TY TNHH AATT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH AATT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AATT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AATT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108343404

3. Ngày thành lập: 28/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn An Hạ, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439187999

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
2.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
3.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
4.	Phá dỡ	4311
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán buôn gạo	4631
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
8.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621(Chính)
9.	Xây dựng công trình công ích	4220
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
12.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
13.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
14.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
15.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
16.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
17.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt	4773

18.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng	7730
19.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
20.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Nghị định số 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và thông tư số 63/2014/TT-BGTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải bằng đường bộ.)	4933
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
22.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
23.	Cho thuê xe có động cơ Cho thuê ô tô	7710
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: - dịch vụ cầm đồ (Căn cứ theo Nghị định 96/2016/NĐ-CP Quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện)	6492
26.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
27.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
28.	Xây dựng nhà các loại	4100
29.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
30.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
34.	In ấn	1811
35.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

36.	Vận tải hành khách đường bộ khác Vận tải hành khách theo hợp đồng (Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Nghị định số 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và thông tư số 63/2014/TT-BGTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải bằng đường bộ.)	4932
37.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
38.	Bán buôn đồ uống Bán buôn đồ uống có cồn: rượu mạnh, vang, bia Bán buôn đồ uống không có cồn: nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết đóng chai, hoa quả ép đóng chai	4633
39.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
40.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
41.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) - Vận tải hành khách theo tuyến cố định - Vận tải hành khách bằng taxi (Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Nghị định số 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và thông tư số 63/2014/TT-BGTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải bằng đường bộ.)	4931
42.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
43.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
44.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Hoạt động môi giới thương mại	7490
49.	Điều hành tua du lịch	7912
50.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
51.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch (theo quy định tại Điều 49 Luật Du Lịch 2017)	5510

52.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết đóng chai, hoa quả ép đóng chai	4723
53.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
56.	Đại lý du lịch	7911
57.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRINH QUỐC ĐOÀN	Tổ dân phố Quyết Tiến, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	15.000.000.000	50,000	001073008795	
2	TRINH QUỐC HOÀN	Tổ dân phố Trung Bình, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	15.000.000.000	50,000	111462017	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ TRANG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *27/01/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001187015753*

Ngày cấp: *22/06/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKOL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Trung Thịnh, Xã Trường Thịnh, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Trung Thịnh, Xã Trường Thịnh, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**